

HÀ AN

cái
chum
vàng



KIM ĐỒNG

HÀ AN

Kính Tặng:

CÁI CHUM VÀNG

Bìa và minh họa của TỪ THÀNH

Truyện

PGS.TS. *Nguyễn Ái Liệt*

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

HÀ NỘI - 1986

CÁI CHUM VÀNG

Anh Từ là người xứ Nghệ lưu lạc vào ấp Tây Sơn từ khi mới hơn mười tuổi. Nhón lên một chút, anh Từ đi rừng kiếm ăn, mà anh chỉ đi một mình. Mỗi lần đi vài tuần trăng, có khi đẹp trời thì cả một mùa. Người ấp Tây Sơn đồ chừng anh Từ đi kiếm vị thuốc quý, nhưng cũng có người nói anh ta đi đãi vàng trên ngọn nguồn sông Côn. Như thế nhiều năm. Thế rồi có lần người hàng ấp tình cờ bắt gặp anh Từ trên nguồn. Anh đang đãi vàng thật. Người kia đứng xem anh làm việc, còn anh cứ lặng lẽ đãi cát. Cuối ngày làm việc, anh Từ được một số vàng bằng hạt mảy. Người kia lắc đầu chịu sự kiên nhẫn của anh Từ. Từ bấy giờ, hàng ấp biết anh Từ đãi vàng nhưng ai nấy cũng chịu không thể nào có sự kiên nhẫn bằng anh cả...

Đến sau có tin quê nhà báo cha anh Từ qua đời. Anh phải về quê chịu tang. Đường về thì xa, vợ con chưa có, không thể mang vàng theo người được, mà để lại thì phải tìm nơi cất giấu của cải. Anh đem số vàng đã tích góp được ra xem, không ngờ nó nhiều đến thế. Vàng đó đầy một cái chum. Anh Từ phải chọn nơi chôn vàng.

Anh Từ lựa một doi đất cao nằm bên bờ sông Côn, có một cây đa già tán sum suê. Cạnh đó là một tảng đá thật lớn soi bóng xuống vực sông. Anh Từ chôn chum vàng bên cạnh tảng đá này.

Rồi anh lên đường về quê. Sau ba năm chịu tang cha, một vài việc giữ chân anh Từ, mãi vài năm sau nữa, anh mới trở lại được chỗ chôn vàng xưa. Khi đến nơi anh kinh ngạc thấy mảnh đất hoang ấy nay đã được khai phá thành một vườn cây tươi tốt, giữa vườn có một nếp nhà khang trang dựa lưng vào cái tảng đá mà anh đã chôn vàng bên dưới...

Anh Từ đi qua đi lại thăm thú trước ngõ mấy lần. Sau anh tạm bỏ ra chỗ vắng ngồi nghĩ cách lấy lại chum vàng thế nào cho gọn và kín đáo.

Đến chiều, anh giả làm khách nhờ độ đường, vào nhà kia xin ngủ trọ một đêm. Cụ chủ nhà nom quắc thước tiếp anh rất niềm nở. Cụ có ba con trai, người lớn nom hiên ngang đĩnh đạc, người út lại nhanh nhẩu lanh lợi, còn người giữa thông minh răn rỏi mà có oai. Nhà lại nuôi một đàn chó săn rất dữ rất thính.

Chủ nhà làm cơm cho anh Từ ăn, sau đó buông màn trải chiếu cho anh ngủ tốt.

Nhưng anh Từ thao thức cả đêm bởi vì anh thấy không thể nào lấy lại chum vàng như mình đã tưởng được... Cụ già tỉnh táo, các con trai linh lợi, cường tráng, đàn chó tinh khôn số một. Không thể mong đêm tối đào trộm lấy chum vàng... Tới sáng anh đành chào chủ nhà ra đi.

Trải qua mấy hôm suy nghĩ, anh Từ quay lại. Lần này anh xin được nói chuyện với cụ chủ nhà. Trước hết anh ngỏ ý xin mua lại ngôi nhà. Cụ già sừng sốt rồi ngẫm nghĩ và từ chối:

— Nếu anh cần ở nơi đây thì có khó gì. Cha con tôi xin giúp anh khai phá miếng đất bên kia sông. Chỉ một năm thôi, cơ ngơi sẽ nên mà,

Mấy con trai cụ già cũng lặng lẽ cười theo. Anh Từ đâm ra ngần ngại. Nhưng nhìn ông cụ, anh Từ tin rằng đây là người nhân đức. Anh đành nói thật mục đích trở lại sông Côn của mình là để lấy lại chum vàng chôn giấu năm xưa. Cụ già cười. Người con cả ra hiệu cho hai em. Họ vào buồng trong khệ nệ khiêng ra chum vàng. Sau đó, người con trai cả vác đồng ra cửa trước, người út cầm con dao phát ra mé cuối vườn, chỉ còn lại người con trai thứ hai đứng sau lưng cha. Ông cụ hỏi anh Từ có phải chum đó không. Anh nhận phải. Anh mừng rỡ xin chuộc lại cái chum, thoát đầu với giá mỗi bên một nửa. Cụ già cười, lắc đầu. Sau anh xin chỉ lấy một phần ba, rồi một phần tư. Cụ vẫn lắc đầu cười. Cuối cùng anh không biết phải làm thế nào nữa thì người con trai thứ hai của ông cụ nói:

— Mảnh vườn này cha con tôi trồng tía. Ngôi nhà này cha con tôi dựng lên. Còn cái chum này chúng tôi đào thấy đã lâu. Cha tôi vẫn giữ lại đó chờ trả lại cho chủ nó.

Cụ già cũng nói:

— Bây giờ tôi thấy anh đúng là chủ chum vàng này, tôi trả nó cho anh.

Anh Từ kinh ngạc đến nghẹn lời, anh nhìn người con chủ nhà đang lấy cửa trong chum bày ra ngoài. Cụ già nói:

— Anh kiểm lại cho kỹ đi. Xem có thiếu thứ gì không?

Anh Từ sụp xuống lạy cụ già, miệng nghẹn ngào:

— Bấy lâu con cứ nghĩ trên đời này chỉ có vàng bạc là quý. Bây giờ con mới hiểu lòng người còn quý giá bội phần. Con xin cụ cho con được làm con cụ.

Ông cụ cười :

— Đây là thằng Hai Nhạc.

Cụ chỉ người con lớn đang canh cửa trước. Rồi cụ chỉ ra sau vườn :

— Kia là thằng Tư Lữ. Còn đây...

Cụ chỉ người đang soạn các thứ chứa trong chum :

— Đây là thằng Ba Huệ. Còn con nếu con làm con ta thì con sẽ là thằng Năm Từ. Chum vàng này là của con. Nhà này không coi trọng vàng bạc, nhà này không dùng nó làm giàu làm có.

Quả như lời cụ nói, số vàng đó sau góp vào việc sửa sang binh khí, mua trử lương thảo cho quân khởi nghĩa Tây Sơn

VÔ GÀ

Ở đất Tây Sơn, bốn bề rừng núi, thú dữ rất nhiều. Rắn độc, hổ báo thường đi kiếm ăn ven đường. Vì thế người Tây Sơn rất chuộng võ nghệ. Ngay đàn bà con gái cũng phải biết vài miếng giữ mình. Mấy anh em Nguyễn Nhạc đều học võ từ nhỏ. Hằng ngày họ vẫn đấu tay đôi. Trong ba anh em, cậu Tư Lữ có vóc người thấp nhỏ nhất. Trong những cuộc đấu với hai anh hoặc với những người khác, Ut Lữ thường bị thua thiệt.

Có một lần, Ut Lữ đấu với Nguyễn Nhạc. Trận đấu bề ngoài xem ra gay go nhưng thực ra bấp tay Ut Lữ chạm bấp tay Nguyễn Nhạc như chạm cột. Tay Ut Lữ ngán

hơn tay anh, chân Út Lữ ngắn hơn chân anh. Vì thế đòn Lữ chưa tới đích thì đối phương đã đặt tay đặt chân lên người Lữ rồi. Nguyễn Nhạc bảo em:

— Học võ cứ to cao đã được một nửa rồi. Em vóc người bé nhỏ phải chịu thua thiệt là đúng thôi.

Nguyễn Lữ chịu không cãi lại được nhưng anh nghĩ: «Nếu vậy thì những người bé nhỏ còn học võ làm gì nữa?».

Câu hỏi đó làm cho Út Lữ mất ngủ nhiều đêm.

Vùng Quy Nhơn có tục nuôi gà nòi và tục chơi gà. Cả một phủ rộng lớn từ ven biển lên tới bìa cao nguyên chỗ nào cũng có gà nòi. Những lúc rảnh việc đồng áng, người ta lại đem gà ra chơi tập với nhau, còn đến phiên chợ huyện là cho gà chơi thi.

Út Lữ rất thích xem chơi gà. Những phiên chợ An Khê bao giờ cũng có mặt Út Lữ. Cậu đi chơi chợ chỉ là phụ, còn cái chính là đến xem chơi gà.

Lần ấy Út Lữ được xem một trận gà mà cậu nhớ mãi. Hai con gà đều là gà nòi nổi tiếng đến nỗi có cả biệt hiệu. Một con là con Tía siêu đao. Sở dĩ có tên thế vì lông nó màu tía, còn cặp cựa của nó quót lên như đôi siêu đao. Khi nó tung hai chân lên đá đối phương, cặp cựa của nó chém rất ác liệt. Còn con gà kia cũng có một biệt hiệu nghe kêu không kém nó là con Ô quạ tha. Màu lông nó đen nhưng nhúc và thuở nhỏ nó quả có bị quạ tha thật. Lúc đó nó mới bằng nắm tay, một con quạ sà xuống quắp được nó bay lên. Chủ nhà nhặt đất đá ném theo, miệng hò la inh ỏi. Quạ sợ, sênh chân đề gà rơi từ trên cao xuống sân, nằm giãy đành đạch tưởng đi đứt. Sau nó hồi dần, lớn lên, nhưng có lẽ vì cái rơi lúc trước đâm chột nên nó còi cọc mãi rồi cũng chỉ thành một con gà nòi bé nhỏ. Nhưng ai biết xem tướng gà nhìn đến con Ô quạ tha cũng phải kêu lên mà khen. Mất nó nhỏ như mất

chìm cát. Mỏ nó ngắn mà khỏe, hơi khoằm lại như mỏ điều hâu. Hai hàng vẩy chân đang trước đều tám tập nhưng ở gần cuối chỗ giáp tới ngón chân giữa có hai cái vẩy kẹ rất bé giắt vào. Người ta bảo đấy là vẩy cáo. Con gà nào có vẩy cáo là con gà có miếng đá cực hiểm, cực dữ dội, chuyên thua thành thắng. Út Lữ xem con Ô qua tha khen nức nở nhưng rồi lại chế một câu :

— Ô ơi! Tướng mày đẹp thật, dáng mày hùng thật, nhưng chỉ tiếc cái tầm nhỏ bé của mày thôi. Mày phải biết đấu gà cũng như đánh võ, cứ to khỏe đã kè được một nửa rồi. Còn cái nửa kia, cái nửa miếng đòn thế đánh thì con Tía siêu đao nó chẳng kém cạnh gì mày đâu.

Thế là Út Lữ đánh cuộc con Ô qua tha... thua.

Trận đấu ước là trong năm hồ. Người ta thắp lên một nén hương, hễ cứ hết một đốt ngón tay là được một hồ lại cho gà nghỉ một lát. Vào hồ đầu, hai con gà giao cần cò. Cả hai con đều giỏi đá buông, chúng không cần mỏ mỏ vịn, cứ tung chân lên buông những cái đá chắc nịch. Đôi cựa quớt siêu đao của Tía chém lia như chớp. Hồ đầu huề nhưng Ô qua tha cũng đã kém vài đá. Hồ thứ hai, cái to cao của Tía siêu đao mới tỏ ra lợi hại. Tía tung chân đá sập xuống, nó đá liên tiếp dồn con Ô lùi tới tập. Người chung quanh tính con Ô đã sút một nửa rồi. Hồ thứ hai và hồ thứ ba, thứ tư không khác nhau bao nhiêu. Con Tía cứ đánh, con Ô cứ li ra chịu đòn. Nhưng đến giữa hồ thứ năm thì Ô thay đổi đột ngột. Nó lượn quanh con Tía buộc con Tía phải quay theo rồi thỉnh linh buông một đá quặt vào mang tai Tía. Tía bị hai đá quặt như thế liền còn chưa lại hồn thì con Ô trầm thấp đầu xuống, ngược mỏ niu lấy hâu con Tía và đá hất ngược lên. Cái đá này quả là cái đá của gà có vẩy cáo, nó khôn, nhanh và ác liệt đến nỗi chỉ nghe tiếng chân con Ô bật đánh bịch một cái là con Tía siêu đao đã lăn quay ra nằm giãy.



Người ta ùa vào bế gà, con Tía ngáp vài cái rồi rướn mình duỗi hai chân ra. Nó đã bị đá đứt hầu rồi.

Út Lữ thua cuộc trận gà này nhưng cậu tư lự mãi. Té ra không phải to cao đã kẻ được một nửa. Con Ô quạ tha giỏi thật. Út Lữ theo con Ô mấy trận chọi nữa, xem Ô đá ngược, đá quặt, xem nó trầm thấp, đi nghiêng... trong đầu Út Lữ dần dần hình thành những đòn đánh mới.

Một năm sau, trong một trận đấu tập với hai anh, Út Lữ làm mọi người kinh ngạc. Nhưng thế tấn trầm thấp, cách lượn của cặp chân, cách đánh quặt của đôi tay, cách đá thuận, đá ngược của đôi chân... có thể nói cách đánh của Út Lữ đã khiến cho hai anh mình phải gắng sức lắm mới giữ huề được với võ sĩ em có tâm vóc thấp nhỏ hơn mình nhiều.

Út Lữ đặt tên cho bài võ của mình là Hùng Kê quyền—bài quyền Gà.

ĐƯỜNG QUA NÚI THƠM

Ở vùng Tây Sơn có một người giỏi cả văn lẫn võ. Đó là cụ Hiến. Ngày trước dòng họ nhà cụ đã nhiều đời làm quan trong triều, ngành võ cũng có người làm tướng. Đến đời cụ Hiến, cụ cũng đã từng giữ việc huấn luyện võ nghệ cho lính hộ vệ của chúa Nguyễn. Lính hộ vệ của chúa kén những người giỏi võ, cụ là thầy của họ hẳn phải giỏi tuyệt.

Anh em Nguyễn Nhạc được theo học cụ Hiến bởi vì cụ biết anh em nhà này có chí lớn. Bảy giờ cụ không làm tướng cho chúa nữa vì cụ thấy triều đình bóc lột dân. Dân đói rách, quan thì thừa mứa. Cụ cãi lại quan trên. Triều đình trị tội cụ, họ cách tuột quan chức của cụ và đuổi cụ.

Anh em Nguyễn Nhạc theo học cụ Hiến, trai làng cũng theo họ xin cụ dạy cho. Đường từ nơi họ ở đến nhà cụ Hiến có một nẻo tắt rất gần nhưng phải qua một hẻm núi hiểm trở chỗ sông Côn chạy lượn theo sườn núi. Hẻm này rậm rạp, nhiều thú dữ, có cả khỉ độc, rắn giết.

Nhưng cảnh ở đây thật đẹp. Con sông chảy xiết, nước trong xanh, mỏm núi đá chênh vênh hùng vĩ. Ven bờ, tảng cẩm thạch trắng có vân như một tấm phản thiên nhiên mời chào người ta tắm mát rồi ngủ chơi.

Đám trai làng rất thích qua đường này vì đã gần lại được tắm chơi thỏa thích. Còn đường kia thì phải vòng cái bầu Cà Đác vừa bùn lầy bần thỉu vừa xa tít tắp, có khi đi cả buổi mới tới nơi.

Nhưng đi đường này vương ác thú chặn đường. Họ bàn nhau:

- Muốn đi đường này phải có mẹo.
- Mẹo thế nào?
- Kêu cậu Ba Thơm đi cùng mới được!
- Ồ, có cây đao trong tay, thằng Thơm có coi con hổ ra gì đâu.

Trai làng đến rủ Ba Thơm đi đường tắt. Khi cậu Thơm dẫn các bạn qua hẻm núi, tất cả kinh ngạc thấy trên núi cao có mấy con ác thú ngồi chồm hồm như ngồi châu. Trai làng đặt tên núi này là núi Thơm.

Thơm là tên tục của Nguyễn Huệ khi còn nhỏ. Núi Thơm nằm trên đường đi học võ của trai ấp Tây Sơn.

BẦY NGỰA THẦN

Áp Tây Sơn giáp với cao nguyên mênh mông rậm rạp. Đây là nơi sinh sống của đồng bào Thượng Ê Đê, Ba Na, Gia Rai... Không khí khởi nghĩa cũng lan cả tới vùng này.

Đường từ Tây Sơn lên cao nguyên phải vượt một dãy núi rất cao bằng một con đèo rất dài và hiểm trở. Đó là đèo Mang. Đồng bào Ba Na ở quanh đèo Mang thiện chiến, phóng lao giỏi, bắn nỏ trúng, họ còn săn voi rừng, bắt voi rừng, luyện voi rừng rất tài. Nghe tin anh em Nguyễn Nhạc sửa soạn khởi nghĩa chống chúa Nguyễn, người Ba Na bảo nhau :

- Ô, muốn đánh chúa phải có ta giúp mới nên. Nhưng mà ta có phục thì ta mới giúp.

Họ lại hỏi nhau :

- Làm thế nào thì ta mới phục ?

— Phải bắt được đàn ngựa thần! Thế mới là được Trời giúp.

Người ta vẫn kể cho nhau nghe là quanh vùng đèo Mang có một đàn ngựa thần. Chúng hàng trăm con. Con đầu đàn là một con ngựa đực rất dữ, lông của nó không định được là đen hay tía mặt. Bởi vì mấy người được thoáng nhìn thấy nó, thuật lại không giống nhau. Người thì bảo nó ngựa ô, người thì bảo nó tía mặt. Bầy ngựa xuất hiện rất quái lạ. Người ta bất chợt thấy chúng phi ào qua những chỗ cheo leo, có khi chúng lướt qua lưng hẹp, có khi thấy

chúng nối đuôi nhau bước một trên đỉnh Chu Yang Sin lẫn trong mây. Nói gọn lại là chưa ai đến gần được đàn ngựa này cả. Nhưng người ta kể rằng chúng rất dữ, rất thính. Chúng dám đánh lại cả cọp. Con đầu đàn thì thật ma mãnh. Nó canh chừng cho cả đàn, hễ có một chút nguy biến, nó hí lên một hơi dài, thế là cả đàn theo nó phi như giông như bão, đi đâu không ai biết...

Đồng bào Ba Na bảo ai bắt được ngựa thần thì họ phục, họ theo.

Biết vậy, cậu Ba Thơm quyết đi bắt ngựa. Cậu Ba bây giờ là một chàng trai trẻ tầm thước nhưng cực kỳ khỏe đẹp, chân tay gân guốc, lồng ngực nở vuông, tóc quăn đen nhánh, miệng rộng cười tươi. Cậu Thơm đem theo một số thủ hạ, đem lương khô và binh khí ngược đèo Mang. Đoàn người lặn lội suốt ba tháng trời trên đầu nguồn ngọn suối, họ theo vết vó ngựa, theo phân ngựa đi tìm đàn ngựa rừng. Trải bao nỗi đói khát, nạn ruồi vàng, vắt, muỗi, thỉnh thoảng họ gặp chúng đang gặm cỏ trong một cái thung lũng hẹp. Con đầu đàn đứng trên một mỏm đất cao canh cho cả đàn. Cậu Thơm nhìn nó, cậu muốn thét lên thích thú: «Chao ôi, mày mới đẹp làm sao chứ!». Và cậu bám đàn ngựa một tháng ròng rã nữa đề hiểu thật cận kề về chúng. Đến lúc ấy thì đoàn săn bắt thuộc lòng nếp sống của đàn ngựa, lúc nào chúng ở đâu, làm gì...

Cậu Ba Thơm nghĩ kế trị chúng. Cậu sai lấy gỗ tròn quây thành một cái bẫy chỉ có một cửa vào rất hẹp. Cậu sửa soạn lừa con đầu đàn vào bẫy. Cậu bảo:

— Trước hết phải tách nó ra khỏi đàn, sau mới bắt nó.

Vẫn theo nếp sống quen thuộc, đàn ngựa từ một lũng kín tránh gió ban đêm đi kiếm ăn. Trong khi đi như thế này, đàn ngựa kéo dài ra, con đầu đàn trông không xiết. Đây chính là lúc có thể bắt ngựa được.

Đàn ngựa đi theo một con suối đá. Đến một hẻm núi, bữa nay hẻm lại bị cành gai lấp kín. Con đầu đàn chụm tai lại nghỉ ngơi, nó chưa kịp làm gì thì thỉnh thoảng tiếng chiêng hòa với tiếng người hò hét inh ỏi rồi ổng lệnh thì nhau nó dừng dừng. Ngựa đầu đàn hí một hơi giận dữ. Nó quay ngang dẫn đàn chạy theo vách đá. Chỉ một thoáng nó vọt qua cửa bẫy. Cậu Thơm và thủ hạ nhanh như chớp phóng cành gai lấp cửa. Họ làm rất nhanh nên chỉ một hai con ngựa khác cùng lọt bẫy với con ngựa chúa.

Nó quả là con ngựa chúa. Đứng bên ngoài bẫy nhìn con ngựa lồng lộn vùng vẫy mà đoàn người thấy trống ngực đánh thùm thụp. Họ đề con ngựa lồng lộn một ngày một sức rồi mới bắt đầu bắt trời nó. Họ dùng thông lọng và cả cần bắt voi để trời chân ngựa. Con ngựa bị bốn năm cần, cái ghi chân trước, cái núu chân sau, cái ghim đầu. Nó càng giãy, nút thịt càng chặt. Đám dây trời ngựa lằng nhằng, người ta chia nhau mỗi người cầm một đầu dây lôi con ngựa đến một bộ khung gỗ đóng sẵn gần đấy. Người ta lừa nó vào khung, ràng bốn chân nó vào bốn cột khung. Đầu nó thì bị một cái túi vải dày chụp kín. Con ngựa giận và sợ, nó vùng nó vằng nhưng không sao thoát được những mối dây bền chặt.

Cậu Thơm bỏ đói con ngựa ba ngày. Nó rũ đầu im lặng, nhưng khi có người đến gần là nó lại giận dữ giăng giật dữ dội.

Đã đến lúc cậu Thơm trị nó. Cậu lấy lá non chia cho nó. Con ngựa né đầu tránh, mắt nó long sòng sọc, lòng trắng vẫn những tia máu. Nó nhất định không chịu ăn.

Chờ một buổi nữa, con ngựa sùi bọt mép. Nó vừa đói vừa khát. Cậu Thơm ngắm con ngựa bằng con mắt tinh tường. Đây chính là lúc cái khát đang hành hạ con vật



nhiều nhất. Cậu múc một gàu nước đến thật gần, chla vào mõm ngựa, hơi nước mát lạnh nhả vào mũi nó. Con ngựa không né đầu, nó cũng không một chút cúi đầu vào cái gàu nước. Nó lé mắt nhìn, lưỡi nó thè ra rất dài. Cậu Thơm giơ cao cái gàu cho nước chạm vào đầu lưỡi ngựa. Con ngựa rùng mình liếm nước, liếm nữa, rồi nó gặm đầu xuống uống nước. Được vài ngụm, nó ngừng đầu hí, tiếng hí của nó kéo dài, rền rĩ, thê thiết như mừng như than. Nó đã chịu thua người bắt được nó...

Lẽ tất nhiên, một con ngựa đầu đàn, một con ngựa thần, không phải đã dễ đầu hàng. Cậu Thơm còn tốn bao nhiêu công sức nữa để làm cho ngựa yêu mình, chịu mình. Thế rồi nó chịu để đóng yên cương, chịu cho chủ ngồi trên lưng, chịu đi nước kiệu, đi nước đại. Nhưng những cái khó khăn ấy bị sao được với cái khó ban đầu đã trải qua.

Bắt xong, dạy xong ngựa đầu đàn là đến bắt cả đàn ngựa, dạy chúng, luyện chúng không còn là chuyện không làm được nữa.

Ít lâu sau, một hôm người ta thấy một đoàn người ngựa rất đông phi nước kiệu vào buôn Ba Na. Con ngựa đi đầu mang cậu Thơm trên lưng nó. Nó quả là một con ngựa đẹp, một con ngựa chiến thật hùng thật oai. Lông nó màu tía mặt thật sẫm, gần như đen. Bờm nó dài bay tung trong gió, đuôi cong như đuôi chồn thỏ, mũi nở rộng hất ngửa, mặt dài, gầy gán guốc...

Già làng Ba Na trầm trồ khen con ngựa đẹp và rồi sừng sốt đến thích thú reo lên:

— Giàng ơi! Đúng là con ngựa thần đầu đàn rồi.

Thế là tất cả người Ba Na từ sông Côn đến núi Chư Yang Sin theo quân khởi nghĩa. Già làng hứa với thủ lĩnh Nguyễn Nhạc: «Chùng nào ra quân, người Ba Na xin góp một trăm tay nỏ, năm trăm tay giáo và một trăm thớt voi chiến».

LUỠI GƯƠM THIÊNG

Từ ngày xưa ngày xưa, có một luỡi gương thần hiện ra ở Tây Nguyên. Cứ những đêm không trăng, luỡi gương tỏa sáng. Lúc ấy mọi người mới biết chỗ gương hiện. Thanh gương ấy có phép nhiệm mầu, nó có thể giết được người từ xa mà mỗi nhát chém chết hàng trăm hàng ngàn giặc. Cây gương ấy lúc hiện ở vùng đất của bộ tộc Ê Đê, lúc ở vùng Gia Rai, lúc ở vùng Ba Na...

Một hôm già làng Ba Na sai người xuống ấp Tây Sơn báo cho anh em Nguyễn Nhạc hay tin gương thần xuất hiện trong vùng Ba Na, mé thượng nguồn sông Côn. Họ nói ánh gương tỏa rực rỡ cả một vùng rừng núi.

— Ô, gương thần hiện ra là có người anh hùng ra đời cứu dân. Mấy con ở Tây Sơn đang kéo cờ đánh chúa Nguyễn phải đến rút thử gương thần. Các con rút được là các con có tài có đức, các con sẽ làm nên.

Đúng thế, người ta vẫn thường kể rằng mỗi lần gương hiện là có nhiều tráng sĩ tìm đến gương. Luỡi gương cắm sâu trong đá giữa rừng thẳm. Trải bao năm tháng mưa nắng mà luỡi gương không mòn, không gỉ. Nó không sáng trắng như bạc, nó đen bóng mà vẫn tỏa hào quang. Bao nhiêu người rút thử mà vẫn không được.

Anh Hai Trầu nhận lời già làng Ba Na. Hai Trầu là tên tục của người anh lớn Nguyễn Nhạc. Trầu là tên cái bến anh làm ăn.

Hai Trầu lên đến buôn. Đây là một khoảng cao nguyên nằm từ Chê Ê Đê đến Kan Nak. Đất đỏ phì nhiêu.



Anh Hai Trầu nom thật đẹp, thật oai. Dáng hùng dũng, tiếng sang sảng, người có nghĩa có nhân. Già làng thương lắm, quý lắm, muốn gả con gái yêu cho.

Hai Trầu ngỏ ý muốn rút thủ gươm thần. Già làng nói:

— Hễ con rút ra được thì con sẽ có lưỡi gươm đánh đâu thắng đấy.

Họ phải chờ tám hôm mới hết trăng. Đêm ấy, họ đứng ở đầu buôn nhìn rừng núi. Gần nửa đêm, ở một phía rừng xa chợt thấy một quầng sáng tỏa ra. Già làng nghiêm trang nói:

— Gươm thiêng ở đó!

Già làng đem trai khỏe đi phát đường dẫn anh Hai Trầu tìm đến gươm. Đường đi hiểm trở, qua thác vượt ghềnh, đến gần sáng vẫn chẳng tới nơi. Ánh sáng của gươm lại tắt. Đoàn người đành nghỉ chân giữa rừng. Họ đốt lửa đề đuổi thú rừng và cũng đề đuổi muỗi. Họ trèo lên cây cao, chặt cành bắc sàn làm chỗ ngủ. Họ ăn lương khô cho đỡ đói. Một ngày qua đi, đêm lại xuống. Gần nửa đêm, quầng sáng của gươm thần lại bốc lên. Đoàn người chỉ chờ có vậy, họ lên đường tức thì. Nhưng họ cũng phải đi tới ba đêm mới tới nơi gươm hiện. Mặc dù cắm ngập trong đá. Gươm vẫn tỏa một thứ ánh sáng kỳ dị. Nó không chói chang nhưng vẫn lấp lánh, nó sắc sảo mà vẫn hiền hòa. Hai Trầu bước lại gần tảng đá, trang nghiêm đưa cả hai tay nắm lấy chuôi gươm... Lưỡi gươm theo ý Hai Trầu tuột êm ru ra khỏi tảng đá như rút khỏi vỏ vậy.

Buôn Ba Na rung chiêng trống đón người anh hùng nhận được gươm thần và báo tin cho cả một vùng rộng lớn. Người ta đem heo, đem rượu đến mừng gươm thần xuất hiện giúp đời, mừng người xứng đáng nhận gươm.

Già làng gả cô con gái quý cho Hai Trầu. Anh dẫn cưới một đàn trâu. Trâu này dùng để vỡ hoang vùng đất rộng từ Chê Ê Đê đến Kan Nak. Đó là căn cứ khởi nghĩa đầu tiên của nghĩa quân Tây Sơn.

Cho đến bây giờ, có ai qua thượng nguồn sông Côn vẫn còn được nghe đồng bào Ba Na bồi hồi kể lại chuyện cũ về một cuộc tìm gương, về Cánh đồng cô Hầu và Đàn trâu ông Nhạc.

CUỘC GẶP GỠ CỦA NHỮNG NGƯỜI NGANG NGƯỢC

Nguyễn Văn Tuyết là người ngang ngược, hoành hành ở chợ Tuy Viễn. Tuyết gây rối, đánh lộn lung tung. Bọn vô lại, du đảng tôn Tuyết làm đầu đàn. Người ở các nơi xa đến kiếm ăn ở Tuy Viễn phải đến xin phép Tuyết, nộp một số tiền cho Tuyết. Rồi khi đã được Tuyết cho phép mới dám làm nghề.

Một hôm có hai cha con một ông già đến bán thuốc ở chợ. Họ múa võ, đánh quyền. Cô gái múa đôi kiếm thật đẹp mắt. Kiếm bay ánh loang loáng, đôi chân cô gái tiến lui nhịp nhàng tỏ ra người đã học võ công phu. Sau đó họ bán thuốc. Người xem rất đông, nhiều người mua thuốc của ông già. Người ta ca ngợi cha con ông. Tin ấy đến tai Tuyết. Lúc ấy anh trùm du côn chợ huyện đang ngồi nhâm nhi rượu với bọn đàn em. Nghe chưa hết câu, Tuyết đã gạt phăng mâm rượu, đứng lên nói giận dữ:

— Thằng già ba vạ sao dám giốn mặt ta



Tuyết xắn tay áo lên, đi ra chợ. Đám đàn em cũng hùng hổ theo sau. Đám đông xem bán thuốc mùa võ rề thành đường cho Tuyết vào. Tuyết chỉ tay vào mặt ông già quát :

— Ông già kia, có biết Tuyết này không?

Ông già chấp hai tay chào rất lễ độ, miệng đáp từ tốn :

— Già này từ xa đến làm sao biết được ai với ai.

Tuyết càng giận :

— Đến đây bán thuốc mùa võ phải xin phép ta, biết chưa? Ông già làm thế này tức là không coi ta ra gì rồi.

Ông già vẫn từ tốn :

— Dâu có, thưa cậu. Già này đi bán thuốc kiếm ăn, có làm gì sai quấy mà phải xin phép ai. Cậu cho thì càng hay, cậu không cho thì già vẫn phải hành nghề kiếm sống chứ.

Tuyết nổi xung tràn tới, vung tay dọa ông già. Ông già cười. Tuyết thét lên đánh luôn mấy đấm. Bịch... bịch... bịch... ông già vẫn đứng vững như trời trồng, mấy đấm của Tuyết đều trúng ngực ông già nhưng ông ta vẫn thản nhiên như không. Tuyết hoảng sợ, biết gặp phải tay giỏi võ. Y nhanh trí giả vờ dậm dộ vài câu rồi vội vã dẫn đồ đảng đi thẳng.

Tuyết về nhà nghĩ rất lung, càng nghĩ càng cay. Nếu không trả cái nhục bị bẽ thì cũng không còn mặt mũi nào ở lại chợ Tuy Viễn nữa. Còn đến đánh đuổi cha con ông già thì chắc không làm gì nổi cha con ông ta. Chỉ có một cách là đánh lén.

Dò biết cha con ông già bán thuốc xin ngủ nhờ ở chùa, Tuyết giắt dao găm nửa đêm mò đến. Canh khuya, bốn bề im phăng khác. Tuyết trèo lên ngọn tường, nhảy xuống sân. Sau một khoảnh khắc nằm im nghe động tĩnh, Tuyết trườn như một con rắn vào phòng. Bất chợt Tuyết nghe có tiếng cười khẽ. Tuyết hoảng sợ toan vung dao lên

nhưng cò tay đã bị nắm chặt như trong kim sắt. Rồi có tiếng đá lửa đánh xi xoẹt, một ngọn đèn được thắp lên, cô gái cầm cây đèn đặt lên bàn. Tuyết kinh hoàng nhìn thấy tay mình nằm trong tay ông già. Tuyết hiểu rằng mình có vụng vấy cũng vô ích, đành đứng im mặc cho sự thề đến đâu hay đó.

Ông già chậm rãi nói :

— Đến quấy không cho ta ngủ, sao cậu nghịch thế ?

Tuyết quỳ xuống nhận lỗi. Nhưng lỗi của Tuyết thật là lỗi nặng. Ông già bảo :

— Con người ta cốt ở cái tính. Có hơn con vật cũng ở chỗ này.

Tuyết hồ thẹn :

— Xưa nay con chưa được ai chỉ bảo cho cả.

— Bố mẹ cậu đâu ?

— Bố mẹ con mất từ khi con còn nhỏ. Vả chăng con cũng không hề ức hiếp người yếu hèn.

— Ta biết. Nếu không, ta đã cho cậu ném mũi đao khô rồi.

Chợt ông già cười nói :

— Về búống, cậu không thể búống bằng ta. Về ngang chướng, cậu cũng không thể ngang chướng bằng ta.

Tuyết kinh hoàng nhận ra ngay ông già này là ai rồi. Đó chính là ông Chưởng ngang trời. Cả một vùng Quy Nhơn truyền đi một câu vè về ông ta :

Bùng binh chi tướng

Uýnh chướng chi người

Phập phù chi chức

Chưởng ngang trời

Tuyết chấp hai tay vái tạ lỗi như tế sao. Tuyết xin ông già thu mình làm học trò. Tuyết hứa sẽ sửa đổi tâm tính. Chưởng ngang trời nổi tiếng là người giỏi võ nghệ, đã từng tay không đánh tám tướng hộ vệ của chúa Nguyễn một

trận bỏ càng. Ông không sợ quan. Ông không sợ tướng. Cả đời ông đi lang thang làm việc nghĩa. Bọn quan tướng của chúa Nguyễn căm ông Chưởng Ngang trời, nhưng chúng bảo nhau né tránh ông. Tuyết rất sợ và rất mừng được gặp ông. Ông nghiêm khắc bảo Tuyết:

— Con người ta cốt ở cái đức, người học võ càng phải có đức. Nếu không hiểu thấu chữ nhường chữ nhịn thì muốn làm gì cứ làm hay sao? Con nên nhớ, ta nghe nói về con nên ta tìm đến đây. Ta đã ở đất này nhiều ngày, ta đã hiểu về con. Ta xét con không phải là người hư hỏng từ cội rễ. Nếu uốn nắn lại, con có thể có ích cho dân cho nước, chứ nếu không con đã bị ta diệt đi rồi.

Tuyết dập đầu tạ lỗi. Ông già nhận đem Tuyết đi một nơi biệt tăm tích để luyện võ.

Bốn năm sau, khi quân Tây Sơn khởi nghĩa, Nguyễn Văn Tuyết là một trong những người cầm đầu. Vợ ông chính là cô gái múa đôi kiếm bán thuốc ở chợ Tuy Viễn đó. Còn cụ Chưởng ngang trời tuy đã già và sức có sút nhưng cụ vẫn nhận dạy võ cho các nghĩa sĩ Tây Sơn. Lúc nghỉ tay, học trò cụ thường nhắc lại câu về cũ: « *Bùng binh chi tướng, uýnh chương chi người...* ». Chưởng ngang trời chỉ cười.

Ở NGÃ TƯ ĐƯỜNG

Một hôm dân huyện Tuy Viễn được nghe một cái tin mà ai cũng rụng rời.

Chúa Nguyễn đi tuần về phía nam đến phủ Quy Nhơn. Chúa rời cung là chuyện lớn cho nên binh tướng đi theo

hộ vệ chúa rất đông. Quan Quy Nhơn vẫn chưa yên lòng, cứ đem một đội quân nữa đề che chở cho ông chúa. Quân Quy Nhơn canh phòng vòng ngoài cùng, còn nơi chúa nghỉ kẻ cả ngựa nghèo của chúa thì do quân riêng của chúa coi.

Lần này chúa cưới một con ngựa quý. Con ngựa do nước Cao Man biếu. Mỗi ngày nó đi năm sáu trăm dặm là thường. Nước đi của nó thật êm, có thể đề một bát nước lên yên mà ngựa đi nước kiệu vẫn không sóng ra ngoài. Con ngựa quý đến nỗi chỉ nghe tiếng nó hí, ngựa cả một vùng cụp tai lại, chúm đầu vào xó chuồng. Đó là một con ngựa quý không biết chừng nào mà nói. Người ta còn kể rằng mồ hôi của nó đỏ như máu, đúng là giống ngựa hãn huyết trong sách đã nói tới.

Lẽ dĩ nhiên chung quanh con ngựa người ta phải canh đông như ruồi.

Thế mà chúa đến Quy Nhơn lúc chiều, sáng hôm sau, con ngựa đã bị dắt mất tiêu. Trên tường dinh quan có ai viết một câu: «Người lấy ngựa của chúa là Nguyễn Văn Tuyết ở Tuy Viễn».

Chúa Nguyễn giận điên người, sai đưa trát đi khắp nơi truy lùng tên Nguyễn Văn Tuyết.

Dân Quy Nhơn đóng cửa cười với nhau. Nhà chúa hà hiếp dân, cướp của dân, bây giờ mất cái gì dân chỉ cười, có thấy người lấy trộm ngựa cũng không ai đi báo quan cả.

Tin Tuyết lấy trộm ngựa của chúa làm cho các bậc anh tài trong hạt thích lắm. Nhiều người rủ nhau đi tìm Tuyết để kết bạn. Hai anh em họ Ngô Văn Sở và Bùi Thị Xuân cũng rủ nhau đi tìm Tuyết. Xuân nói:

— Tuyết là người đáng khen. Chúng ta nên tìm kết bạn. Nếu không thì gặp những người tài khác cũng hay.

Hai người gói lương khô, nai nịt gọn ghẽ. Ngô Văn Sở đeo một cây đao, Bùi Thị Xuân giắt một đôi kiếm. Cả hai vốn giỏi võ và thầy dạy họ chính là ông của hai người!

tướng Ngô Mạnh. Tướng Ngô Mạnh ngày xưa đã từng làm quan trong triều, sau chán ghét sự thối nát của nhà chúa đã bỏ quan. Ông tận tâm dạy hai anh em Sở.

Hai anh em lên đường đi Tuy Viễn. Đường xa, rừng núi rậm rạp. Họ đi chậm. Đến một quãng đường hiểm trở, bỗng nghe tiếng hồ gầm rú. Hai anh em vội chạy lại, vừa chạy vừa rút binh khí ra.

Thì ra có một người đang đánh nhau với Hồ. Dưới đất lại có xác một con hồ nằm, máu ra thành vũng. Dũng sĩ đánh hồ cũng bị thương, tay phải bị bại phải cầm dao sang tay trái. Anh dùng hết sức tàn để chống cự nhưng con hồ này rất hung dữ, nó là một con hồ cái, chắc nó muốn trả thù cho con hồ đực đã bị chém chết. Nó chồm lên tát văng cây đao của người kia đi. Nó quật đuôi đánh đét một cái, tung mình vồ chụp xuống. Dũng sĩ trần mình tránh thoát móng sắc của hồ nhưng anh vấp rễ cây ngã vật ra đất. Con hồ vằn mình quay lại định chồm vồ tới nữa...

Không thể chần chừ được, Bùi Thị Xuân thét lên xông vào. Hai kiếm lia nhanh như chớp, một kiếm trúng mắt, một kiếm trúng ngực hồ. Con hồ nhảy dựng lên, nó điên cuồng vùng nhảy nhưng mắt nó bị mù rồi. Bùi Thị Xuân lựa thế đưa một kiếm trúng cổ con ác thú. Nó văng mạnh rồi ngã quật xuống...

Ngô Văn Sở chạy lại đỡ người đánh hồ dậy. Người ấy bị thương mất máu nhiều và đã ngất đi. Hai anh em Ngô Văn Sở chặt cành cây làm cáng đưa người bị thương về chữa chạy.

Ít lâu sau qua cơn nguy kịch, người kia xưng tên là Trần Quang Diệu. Nghe đồn Tây Sơn có minh chủ dựng cờ khởi nghĩa nên Diệu tìm đến đầu quân.

Sau này Diệu và Xuân kết duyên với nhau. Họ nổi tiếng là hồ tướng Tây Sơn. Ngô Văn Sở là tướng theo Nguyễn Huệ đánh tan 29 vạn quân Thanh sau này.

Lần ấy, ra đi tìm Nguyễn Văn Tuyết để kết bạn, họ không gặp tráng sĩ lấy ngựa của chúa Nguyễn. Nhưng họ lại gặp dũng sĩ đánh hổ Trần Quang Diệu. Thời bấy giờ, dũng sĩ tình cờ gặp nhau kết bạn như thế cũng nhiều.

VỀ RỪNG

Trong sổ học trò của thầy võ Ngô Mạnh có mấy người Chăm. Anh em Ngô Văn Sở và Bùi Thị Xuân rất thân với họ. Cô Xuân quý nhất thiếu niên Chế A Na mới 14 tuổi. Một hôm Chế A Na bảo Bùi Thị Xuân:

— Quân khởi nghĩa phải có một đội voi thật đông thật mạnh. Sao chị không xin mình chủ cho lập đi.

— Chị không biết dạy voi mà.

— Em chỉ cho chị.

Mừng rỡ, Bùi Thị Xuân xin với Nguyễn Nhạc lập một đội voi. Các quản tượng đều tuyển chọn trong sổ chiến sĩ Ba Na và Chăm. Chế A Na tỏ ra là một quản tượng giỏi. Cậu giảng cho Bùi Thị Xuân nghe về các cách luyện voi.

Có cách dùng oai: bắt voi phải sợ phải theo.

Có cách dùng hình phạt, luôn luôn giữ một vết thương ở mang tai voi rồi dùng mũi sắt nhọn chọc vào, buộc con vật vì sợ đau mà phải theo.

Có cách dùng thưởng, voi làm được là cho ăn cho uống để voi ham mà theo.

Có cách dùng tình mà chăm sóc mà dạy dỗ để voi mến voi theo. Đó là cách Chế A Na bày cho cô Xuân. Thì ra cậu ta thuộc một dòng họ chuyên bắt voi, luyện voi.



Những con voi từ cao nguyên được đem về. Cô Xuân lẫn lộn với những người quản tượng, vừa học nghề vừa chuyển những con voi đó thành một đội voi trận.

Đàn voi của cô Xuân tiến theo hiệu trống, lùi theo hiệu chiêng. Một tiếng là thông thả, hai tiếng là mau hơn, ba tiếng là thật dữ dội, liên hồi là chạy nước đại.

Những con voi được chia thành từng toán, mỗi toán năm con. Những ngũ voi này lần lượt được tập với các chiến sĩ để đàn thú quen với tiếng hò la và tiếng súng.

Rồi chúng được tập dùng vòi, dùng ngà hất những bụi nhìn rơm lên trời, chờ cho bụi nhìn rơi xuống đất thì xông đến dùng chân giày xéo lên.

Chế A Na bày cho Bùi Thị Xuân rất tỉ mỉ trong nghề luyện voi. Cậu nói:

— Con voi nó cũng như người ấy, biết thương, biết giận. Ta yêu nó, chăm nó thì nó sẽ quý mến ta, nghe lời ta.

Cậu đưa Bùi Thị Xuân lên rừng, lấy những cây làm thuốc cho voi.

Hai chị em chăm cho voi ăn, tắm cho chúng mát, cho chúng uống thuốc khi chúng bị bệnh. Khi chúng thuần, Xuân thưởng cho chúng những tấm mía ngọt lịm. Đàn voi qua tay hai chị em Xuân trở nên thuần thực, có kỷ luật. Chúng thành một sức mạnh của nghĩa quân.

Một lần Nguyễn Huệ đến xem tập voi, khen:

— Đàn voi của cô Hai thật hay. Chẳng những chúng biết nghe lời cô mà chúng còn đoán được ý cô nữa đó.

Bùi Thị Xuân đáp, sau một nụ cười:

— Anh Ba, dùng tình cảm mà dạy thì voi sẽ thân mình như ruột thịt đó.

LÚC DỰNG CỜ

Khi Tây Sơn sắp dựng cờ khởi nghĩa, cả một vùng Quy Nhơn sôi sục. Người ta hồi hã làm nốt những việc chuẩn bị cuối cùng.

Quân khởi nghĩa chọn thành Quy Nhơn để đánh trận mở đầu. Nguyễn Huệ muốn xuống sát đê xem xét binh tướng triều đình. Người anh hùng trẻ cho rằng đánh trận mở đầu phải thắng thật to.

Đây là một chuyến đi cần phải thực kín đáo. Nguyễn Huệ chỉ đem theo hai tướng: đó là Đại đao Trần Quang Diệu và tướng quân bay Phan Văn Lân. Ba người mặc giả làm lái buôn. Họ mang binh khí tùy thân nhưng đều có cách che mắt mọi người. Nguyễn Huệ thắt ngang lưng một dải lụa dài ba sải. Dòng võ Tây Sơn có lối đánh bằng một dải lụa rất lợi hại, có thể quăn bắt khí giới đối phương rất nhanh nhạy. Phan Văn Lân thiên dùng roi đuôi cạp. Lần đi này Lân thay roi bằng một đoạn tre đục trông như cái đòn gánh. Chỉ Trần Quang Diệu là khó giấu binh khí. Anh ta xưa nay dùng đại đao. Bây giờ vác đao theo thì không được. Cuối cùng Diệu phải vác theo một cái bơi chèo. Bơi chèo thì nhẹ hơn đại đao nhiều nhưng thôi đành vậy. Diệu chọn một cái bơi chèo bằng gỗ cau ngâm nước gi sắt nom đen quánh lại.

Đường xuống Quy nhơn phải qua một vùng núi thấp nhưng rừng thật rậm. Người ta đồn đạo này có một đám cướp hoành hành ở đó. Kể cầm đầu đám cướp này nghe nói là một tay võ nghệ rất giỏi. Gã dùng một cây siêu đao mà đường đao thật mê ly kỳ dị. Tính gã rất lạ. Gã không bao giờ lấy của người già và đàn bà. Nhưng nếu là quan quân thì gã lột đến cái khố cũng không còn mà đeo. Tiếng



tám đám cướp đồn ra toàn phủ Quy Nhơn. Vì thế, Nguyễn Huệ và hai tướng rất đề phòng quãng đường này.

Khỏi một chỗ ngoẹo, đến một khoảnh rừng hơi thưa, ba người chợt nhìn thấy lỗ nhố đến hơn mười người cầm binh khí đứng dàn ngang đường. Từ xa nhìn thấy binh khí của chúng tua tủa. Tên cầm đầu cao lớn, râu dài xanh ngắt, hai mắt xéch long lanh, đôi tay cầm ngang một cây siêu đao sáng choang.

Tướng cướp cười nhạt bảo :

— Có tiền bạc thì bỏ ra rồi vái ta ba cái. Nếu vái khéo, có khi ta thương ta cho đi.

Trần Quang Diệu cũng cười, chỉ cây siêu đao trong tay tướng cướp hỏi lớn :

— Ông ơi, cái này là cái phảng cật cỏ phải không? Ông có lưỡi phảng đẹp thật đấy.

Tướng cướp vừa câu vừa buồn cười, gãi tròng mắt :

— Nom người mặt mũi sáng sủa ngỡ là kẻ biết điều mà sao lại ngu thế. Này, siêu đao là thứ binh khí khó tập, khó đánh nhất trong mười tám loại binh khí mà nhà anh lại nhầm với phảng cật cỏ. Xem đây!

Tướng cướp múa một bài siêu đao. Bài đao múa thật đẹp và là bài đao nổi tiếng. Ba người kinh ngạc nhìn nhau. Đây là bài đao thầy võ Ngô Mạnh đã dạy anh em Ngô Văn Sở. Đây là một trong hai dòng đao siêu tuyệt ở đất võ này. Một là dòng đao Ngô Mạnh, hai là dòng đao nhà họ Trần của Trần Quang Diệu.

Tướng cướp đi xong 32 đường đao, mặt không đổi sắc, hơi thở vẫn đều hòa. Nguyễn Huệ đưa mắt cho Trần Quang Diệu. Diệu hiểu ý, cười :

— Ông múa cái phảng đẹp lắm. Tôi cũng biết múa đấy.

Tướng cướp cười sảng sặc :

— Người muốn lừa ta rồi binh khí chứ gì? Này, bảo cho các người biết, ta đưa đao cho người, lúc nào ta muốn

đoạt lại là được ngay, có khó gì. Đao đây, xem người múa may ra sao. Nếu người múa nổi được một đường đao trông được thì - tướng cướp dần từng tiếng - thì ta tha chết cho cả ba.

Trần Quang Diệu giả vờ lỏng ngó g dờ lấy cây đao nặng. Đám lâu la của tướng giặc cười ran lên. Nhưng chúng sững sốt khi thấy Trần Quang Diệu thả cho cây đao rớt cán xuống khuỷu tay thành thế chác. Tướng cướp cũng giật mình sững người. Thế chác của bài Liễu Đông đao. Đây là bài đao siêu tuyệt của nhà họ Trần.

Trần Quang Diệu đưa chậm chậm cây siêu đao. Từ bước chân rê, từ cái hất đầu, từ cái liếc xéo... tất cả, tất cả hòa hợp làm cho bài đao múa đẹp tuyệt vời. Khi Trần Quang Diệu đi hết 54 đường Liễu Đông đao, tướng cướp bước lên chấp hai tay vái trang trọng, miệng cười ha hả:

— Ông anh chính là Đại đao Trần Quang Diệu rồi.

Trần Quang Diệu cũng tươi cười đáp lễ:

— Còn ông anh đích thị Siêu đao Võ Văn Dũng.

Mấy người ôm chầm lấy nhau mừng rỡ. Trần Quang Diệu nói tên Nguyễn Huệ và Phan Văn Lân. Nguyễn Huệ nói:

— Tráng sĩ có cùng đường cũng không nên chặn đường người ta lấy của thế này.

Võ Văn Dũng hồ thẹn:

— Tôi chặn giết chúa Nguyễn và quan tướng triều đình. Bây giờ cùng đường đứng chặn ở đây. Nhưng từ trước tới nay tôi chưa hề lấy tiền của những người yếu hèn.

Trần Quang Diệu cười lớn:

— Siêu đao Võ Văn Dũng đâu đã đến nổi cùng đường làm vậy. Sắp đến ngày dựng cờ rồi. Ngọn cờ Tây Sơn phải có ông anh phù tá.

Nguyễn Huệ nói cho Võ Văn Dũng biết mục đích chuyến đi của ba người. Võ Văn Dũng cười to:

— Thế thì xong rồi. Tình hình Quy Nhơn ra sao tới rành như những vết trên bàn tay tôi. Thế này nhé...

...

Những người anh hùng áo vải cùng phá lên cười. Võ Văn Dũng giải tán đám cướp, ai bằng lòng theo quân khởi nghĩa thì thu dụng. Siêu đao Võ Văn Dũng theo Tây Sơn.

Tuần trăng sau, Tây Sơn khởi nghĩa, mở đầu bằng trận hạ thành Quy Nhơn rất gọn. Trận thắng thật giòn giã.

Đại Lải cuối mùa xuân 1983

MỤC LỤC

	Trang
Cái chum vàng	3
Võ gà	6
Đường qua núi Thơm	10
Bầy ngựa thần	12
Luối gươm thiêng	17
Cuộc gặp gỡ của những người ngang ngược	20
Ô ngã tư đường	24
Về rừng	27
Lúc dựng cờ	30

Biên tập: LÊ PHƯƠNG LIÊN
Trình bày: PHẠM QUANG VINH
Sửa bài : NGỌC THANH

In. 81.000 bản tại Nhà máy in Tiến Bộ, Hà Nội
Khổ 13 × 19 — Số XB. 08/KĐA — Số in 2003
In xong 4-1986 và gửi lưu chiểu ngày 30 tháng 4-1986

DÀNH CHO CÁC EM TỪ 9 — 12 TUỔI

Đây là một tập truyện nhỏ kể lại cho bạn đọc những mẩu chuyện hấp dẫn về người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ.

Cái chum đầy vàng, do một người hiền lành cần cù dãi được, nay lại được về tay người có của ra sao? Võ gà là loại võ mà Út Lữ người em của Nguyễn Huệ đã học được ở cuộc giao đấu nào? *Đường qua núi Thơm* có gì lạ? *Con ngựa thần* đã đến tay nghĩa quân ra sao? Tướng quân *Trần Quang Diệu*, Tướng quân *Bùi Thị Xuân* đã gặp gỡ nhau như thế nào? Với ngòi bút kể chuyện lịch sử nhuần nhị, *Hà Ân* sẽ kể lại cùng bạn đọc.

Tập *Cái chum vàng* đã đạt giải thưởng viết truyện lịch sử cho nhi đồng.